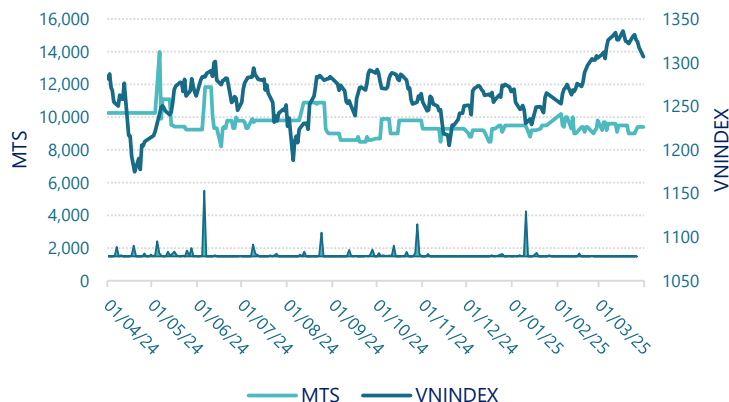


CTCP Vật tư - TKV (UPCOM: MTS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,990
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,208
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,110
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	141
P/E	9.2
EPS	1,024

DT thuần

Q1/25

1,084

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 58.0 | 5.7%

YoY: ▼ 9.00 | -0.8%

LN sau thuế

Q1/25

4.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.17 | -3.6%

YoY: ▲ 0.36 | 8.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.7%

DT thuần

2024

4,081

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 258 | -6.0%

LN sau thuế

2024

15.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.30 | -2.2%

ROE

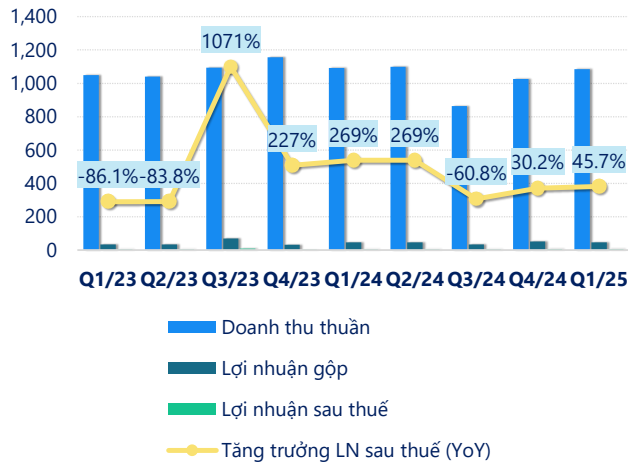
2024

8.5%

+/- YoY: ▼ 0.1%

tỷ VNĐ

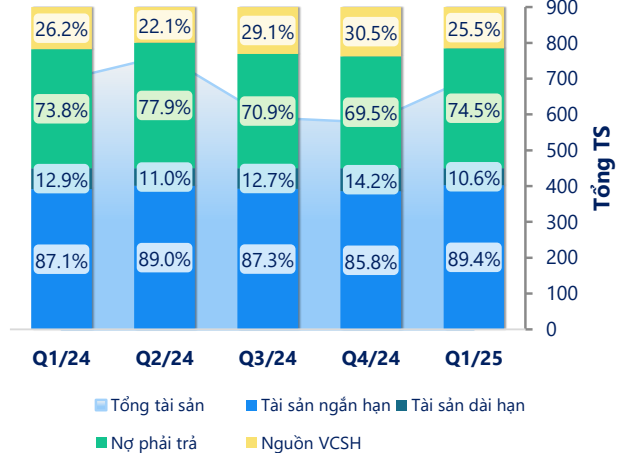
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

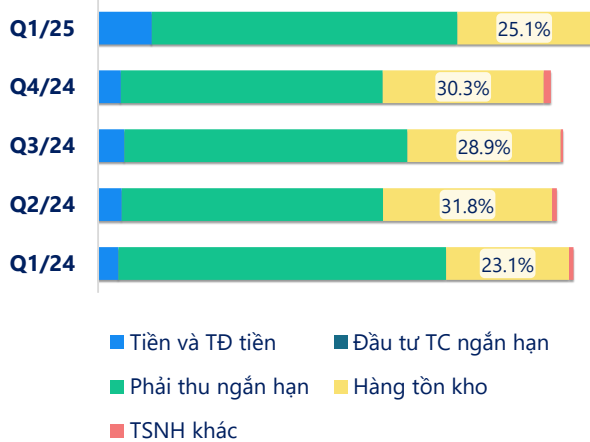
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



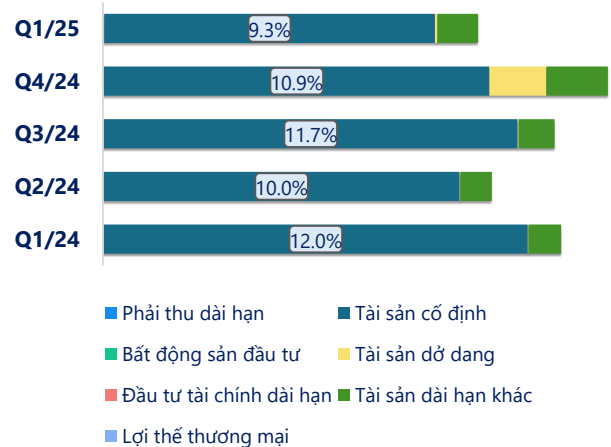
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

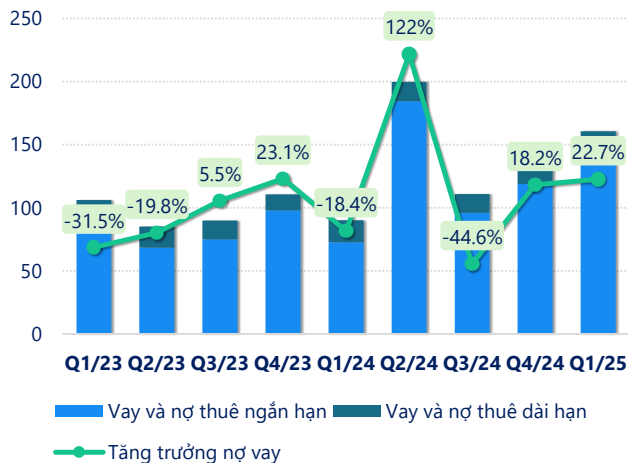
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

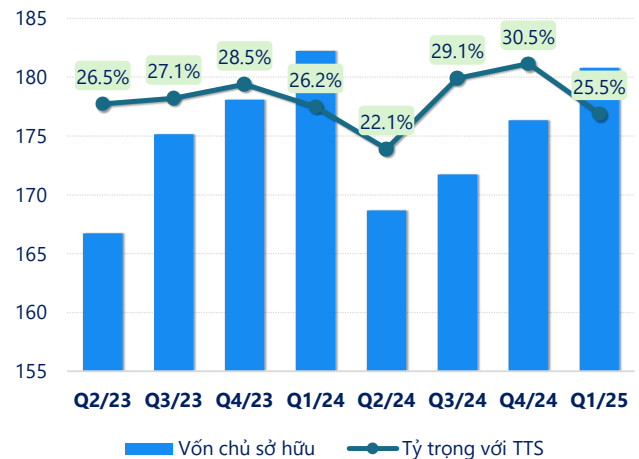
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

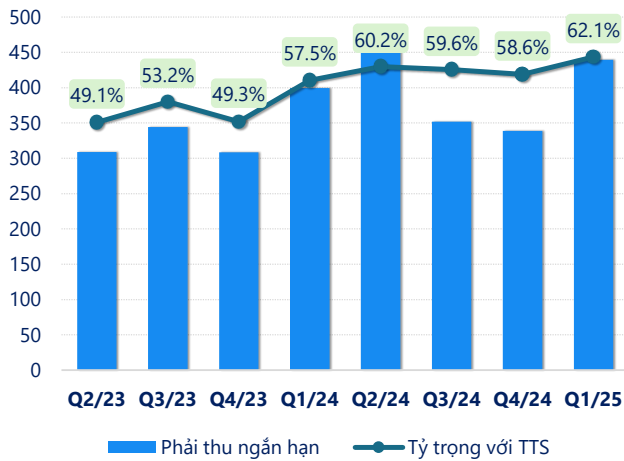
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



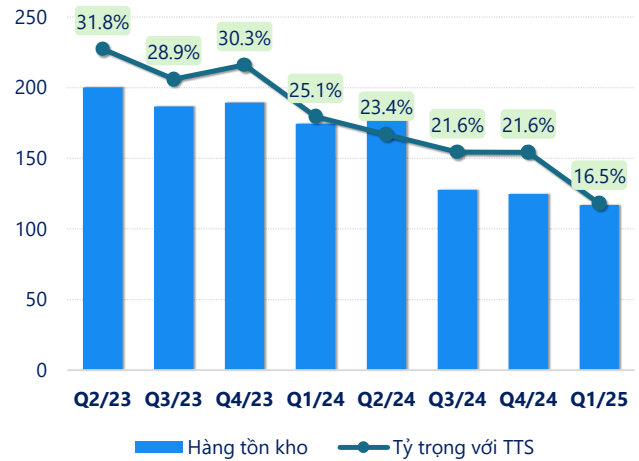
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


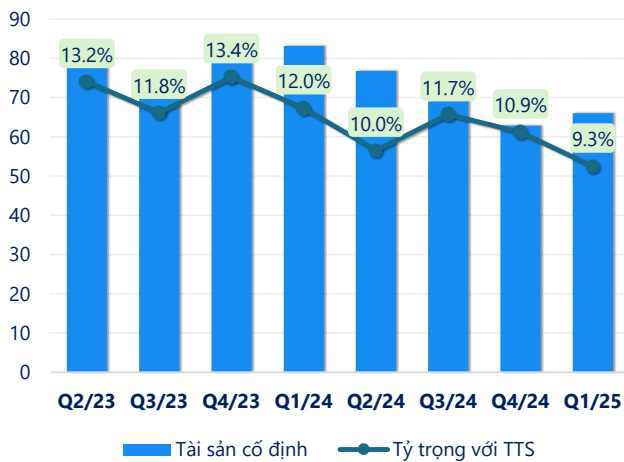
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


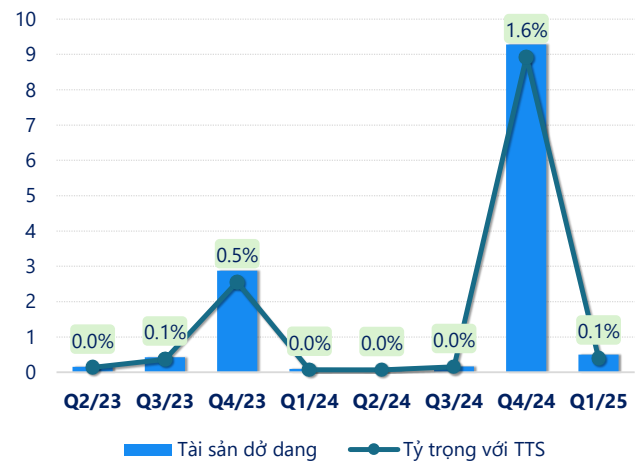
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

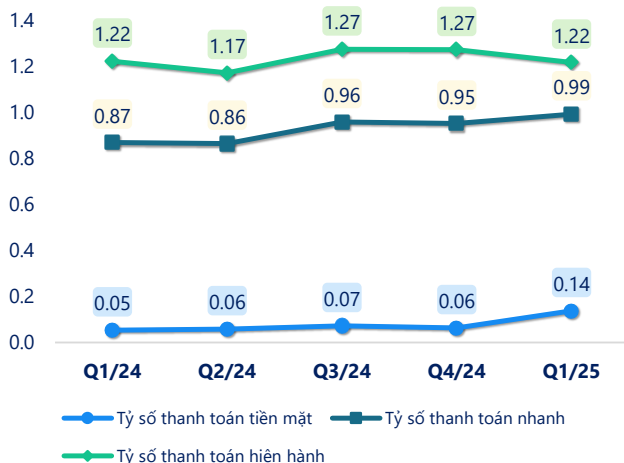
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

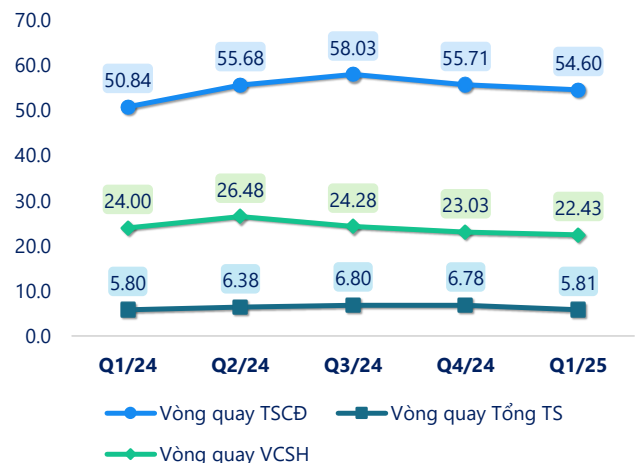
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	695	764	591	578	708
Tài sản ngắn hạn	605	681	516	495	633
Tiền và tương đương tiền	26.5	34.0	29.3	24.6	71.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	399	460	352	339	439
Hàng tồn kho	175	179	128	125	117
Tài sản ngắn hạn khác	4.69	8.07	6.69	7.39	4.95
Tài sản dài hạn	89.8	83.9	75.3	82.3	74.9
Phải thu dài hạn	0.13	0.13	0.13	0.18	0.25
Tài sản cố định	83.1	76.8	69.0	62.8	66.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.09	0.09	0.16	9.29	0.50
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6.39	6.86	6.01	10.0	8.15
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	512	596	419	401	527
Nợ ngắn hạn	495	581	405	389	520
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.7	185	96.1	119	154
Phải trả người bán ngắn hạn	373	324	257	219	321
Nợ dài hạn	17.4	15.2	14.7	12.0	7.07
Vay và nợ thuê dài hạn	17.4	15.2	14.7	12.0	7.07
Nguồn vốn chủ sở hữu	182	169	172	176	181
Vốn chủ sở hữu	182	169	172	176	181
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)